KHẢO SÁT SƠ BỘ

DỰ ÁN PHẦN MỀM QUẢN LÝ CỬA HÀNG THỜI TRANG

1. Thông tin chung về cửa hàng

* Cửa hàng thời trang nam 4Men
* Phân cấp: Quản lý (QL) -> Nhân viên bán hàng (NVBH).
* NVBH làm việc theo ca, mỗi ngày có 5 ca làm việc, mỗi ca 3 giờ từ 7h đến 22h. QL phân công ca làm việc cho nhân viên thứ 2 hàng tuần.
* Hàng hóa được nhập từ các nhà cung cấp, kho được quản lý bởi QL. Các nhà cung cấp mang hàng đến gặp QL và nhập hàng vào kho.
* Mỗi mặt hàng có một mã riêng, mã này được gán cho mặt hàng đó từ lúc nhập vào kho, được sử dụng tại các chi nhánh và được hủy bỏ sau 1 tháng kể từ ngày nó được bán đi.

1. Mô tả chi tiết các quy trình
2. Lập hóa đơn bán hàng:

* Được kích hoạt khi có khách hàng đến thanh toán.
* Người thực hiện: NVBH và QL.
* Các thông tin được cung cấp: mã nhân viên lập hóa đơn, ngày lập hóa đơn, các mặt hàng trong hóa đơn, mã khách hàng (nếu có)
* Hóa đơn được lưu trữ vào CSDL, được sử dụng cho việc thông kê doanh thu tháng, báo cáo doanh thu ngày, đổi hàng của khách hàng.
* Cập nhật số lượng tồn của các mặt hàng đã được bán trong hóa đơn.

1. Quản lý mặt hàng

* Các thao tác: thêm mẫu hàng mới, cập nhật thông tin (như giá, nhà cung cấp,..) của mặt hàng
* Người thực hiện: QLT
* Các thông tin được cung cấp:
* Thêm mẫu hàng mới: mã loại hàng, mã sản phẩm, mã nhà cung cấp, size, màu sắc, giá bán. Ví dụ về mã mặt hàng và mã loại hàng:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tên | Loại | Mã |
| Áo thun Mabu loại 1 | Loại hàng | SS001 |
| Áo thun Mabu loại 2 | Loại hàng | SS002 |
| Áo thun Mabu loại 1, màu đỏ, Size L | Sản phẩm | SS001-18041801 |
| Áo thun Mabu loại 1, màu đỏ, Size M | Sản phẩm | SS001- 23041702 |
| Áo thun Mabu loại 1, màu xanh, Size L | Sản phẩm | SS001-18071801 |
| Áo thun Mabu loại 2, màu đỏ, Size L | Sản phẩm | SS002-18101801 |
| Áo thun Mabu loại 2, màu đỏ, Size M | Sản phẩm | SS002-18041801 |
| Áo thun Mabu loại 2, màu xanh, Size L | Sản phẩm | SS002-14091807 |

* Cập nhật mặt hàng: mã loại hàng cần cập nhật và thông tin mới.

1. Lập phiếu xuất kho

* QLT lập phiếu xuất kho, trong đó thống kê các sản phẩm chuyển đến chi nhánh để kinh doanh.
* Người thực hiện: QLT
* Thông tin được cung cấp: mã chi nhánh nhận hàng, mã các sản phẩm, ngày xuất kho.
* Phiếu xuất kho được lưu vào CSDL và được chi nhánh truy xuất khi nhập hàng vào chi nhánh.

1. Nhập hàng vào chi nhánh.

* QLCN nhận hàng và phiếu xuất kho từ đơn vị vận chuyển, truy xuất phiếu xuất kho, kiểm hàng và báo cáo sự cố (nếu có)
* Người thực hiện: QLCN.
* Thông tin được cung cấp: mã phiếu xuất kho.

1. Báo cáo doanh thu mỗi ngày:

* QLCN lập báo cáo doanh thu dựa vào số tiền bán được trong ngày đó. Tổng doanh thu trong ngày = tổng các hóa đơn được lập trong ngày đó.
* Người thực hiện: QLCN.
* Thông tin được cung cấp: mã chi nhánh, mã QLCN, ngày lập báo cáo.
* Báo cáo được lưu lại, làm cơ sở để QLT thực hiện tổng kết doanh thu tháng và để QLCN nộp tiền về cho QLT.

1. Lập phiếu đổi hàng

* Nếu khách hàng không hài lòng với sản phẩm đã mua, khách hàng có thể đến cửa hàng bất kì thuộc hệ thống để đổi hàng. Sản phẩm mới và có giá bằng hoặc cao hơn sản phẩm đổi. Nhân viên không hoàn lại tiền khi sản phẩm đó có giá thấp hơn, nếu có giá cao hơn, nhân viên phải thu thêm từ khách hàng.
* Người thực hiện: QLCN.
* Thông tin được cung cấp: mã hóa đơn cũ, mã sản phẩm cũ, mã sản phẩm mới.
* Hệ thống sẽ cập nhật lại số lượng tồn tại chi nhánh trong phù hợp.

1. Quản lý khách hàng

* Khách hàng đăng ký thành viên để được tích lũy điểm giảm giá. Có 4 loại khách hàng:
* Khách hàng 4New: đã mua tại hệ thống cửa hàng từ 500,000 VNĐ đến 999,999 VNĐ, được giảm 5% trên tổng hóa đơn
* Khách hàng 4Silver: đã mua tại hệ thống cửa hàng từ 1,000,000 VNĐ đến 1,999,999 VNĐ, được giảm 7% trên tổng hóa đơn
* Khách hàng 4New: đã mua tại hệ thống cửa hàng từ 2,000,000 VNĐ đến 4,999,999 VNĐ, được giảm 10% trên tổng hóa đơn
* Khách hàng 4New: đã mua tại hệ thống cửa hàng từ 5,000,000 VNĐ trở lên, được giảm 15% trên tổng hóa đơn
* Người thực hiện: NVBH, QLCN.
* Các thao tác: Thêm khách hàng, Tra cứu khách hàng, Cập nhật thông tin khách hàng.
* Các thao tác:
* Thêm khách hàng: họ tên, địa chỉ, số điện thoại. Số điện thoại khách hàng được dùng làm mã khách hàng.
* Cập nhật thông tin: mã khách hàng hay số điện thoại, thông tin mới
* Tra cứu thông tin khách hàng: mã khách hàng hay số điện thoại.

1. Tra cứu mặt hàng

* Tra cứu số lượng hàng còn trong chi nhánh hoặc tại chi nhánh khác để trả lời cho khách hàng.
* Người thực hiện: NVBH, QLCN
* Thông tin được cung cấp: Mã mặt hàng, nhà sản xuất, Size, màu sắc,…

1. Quản lý nhân viên:

* QLT là người tuyển nhân viên hoặc điều phối nhân viên tại các chi nhánh.
* Người thực hiện: QLT.
* Các thao tác: thêm nhân viên mới, cập nhật thông tin nhân viên.
* Thông tin được cung cấp:
* Thêm nhân viên mới: họ tên, số chứng minh nhân dân, địa chỉ, số điện thoại, loại nhân viên (NVBH hoặc QLCN). Mã nhân viên được phần mềm sinh tự động.
* Cập nhật thông tin nhân viên: mã nhân viên và thông tin mới.

1. Tổng kết doanh thu tổng:

* Phần mềm hỗ trợ lập tổng kết doanh thu tổng. Doanh thu được báo cáo theo từng chi nhánh, doanh thu toàn hệ thống là tổng doanh thu của các chi nhánh.
* Người thực hiện: QLT
* Thông tin được cung cấp: QLT
* Tổng doanh thu được lưu lại bao gồm tháng/năm của báo cáo và tổng doanh thu để QLT có thể xem xét và điều chỉnh hoạt động tại cửa hàng